

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH  
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CCKL-TCHC

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2023

V/v triển khai các nhiệm vụ cải cách  
thủ tục hành chính tại Quyết định  
số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Văn bản số 3505/SNN-TCCB ngày 23/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính tại Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023, Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Chi cục Kiểm lâm đã tiến hành rà soát các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 (theo Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ). Chi cục Kiểm lâm nhận thấy lĩnh vực lâm nghiệp không có quy định kinh doanh, thủ tục hành chính thuộc đối tượng thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh.

Qua rà soát, Chi cục Kiểm lâm thống kê danh mục các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực lâm nghiệp tại Phục lục kèm theo.

2. Qua truy cập vào Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh, địa chỉ <https://quydinghkinhdoanh.gov.vn/> chưa tìm thấy tài liệu về lĩnh vực lâm nghiệp được kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu QCVN, QCĐP.

3. Về xây dựng, ban hành và hủy bỏ các quy chuẩn địa phương: Từ trước đến nay, Chi cục Kiểm lâm không có xây dựng, ban hành, hủy bỏ hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành, hủy bỏ các quy chuẩn địa phương trong lĩnh vực lâm nghiệp có liên quan đến quy định kinh doanh, thủ tục hành chính.

4. Về đề xuất, kiến nghị: Không có.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCCT phụ trách và PCCT;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**THUỘC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Văn bản số: /CCKL-TCHC ngày /10/2023 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Loại/số hiệu TCVN	Tên tiêu chuẩn
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn về nguồn giống và hạt giống cây trồng lâm nghiệp</b>	
1	TCVN 13276:2021	Giống cây lâm nghiệp - Hạt giống
2	TCVN 8754:2017	Giống cây lâm nghiệp - Giống mới được công nhận
3	TCVN 8755:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây trội
4	TCVN 8757:2018	Giống cây lâm nghiệp - Vườn giống
5	TCVN 8758:2018	Giống cây lâm nghiệp - Rừng giống trồng
6	TCVN 8759:2018	Giống cây lâm nghiệp - Rừng giống chuyển hóa
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn về khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp</b>	
7	TCVN 8761-1:2017	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (VCU) - Phần 1: Nhóm loài cây lấy gỗ
8	TCVN 8761-2:2020	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 2: Nhóm loài cây lâm sản ngoài gỗ thân gỗ lấy quả và hạt.
9	TCVN 8761-3:2020	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 3: Nhóm loài cây ngập mặn.
10	TCVN 8761-4:2021	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 4: Nhóm loài cây lâm sản ngoài gỗ thân gỗ lấy tinh dầu.
11	TCVN 8761-5:2021	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 5: Nhóm loài cây lâm sản ngoài gỗ thân thảo, dây leo lấy củ.
12	TCVN 8761-6:2021	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 6: Nhóm loài tre nứa.
13	TCVN 8761-7:2021	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (VCU) - Phần 7: Nhóm loài song mây.
14	TCVN 12824-1:2020	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) - Phần 1: Nhóm các giống Keo lai.
15	TCVN 12824-2:2020	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất

<b>TT</b>	<b>Loại/số hiệu TCVN</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>
		và tính ổn định (DUS) - Phần 2: Nhóm các giống Bạch đàn lai.
16	TCVN 12824-3:2020	Giống cây lâm nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) - Phần 3: Nhóm các giống Tràm lai.
<b>III Tiêu chuẩn về cây giống cây trồng lâm nghiệp</b>		
17	TCVN 11570-1:2016	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Keo - Phần 1: Keo tai tượng
18	TCVN 11570-2:2016	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Keo - Phần 2: Keo lai
19	TCVN 11571-1:2016	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Bạch đàn. Phần 1: Bạch đàn lai
20	TCVN 11571-2:2017	Giống cây Lâm nghiệp - Cây giống bạch đàn - Phần 2: Bạch đàn urophylla và Bạch đàn camaldulensis
21	TCVN 11572-1:2016	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Sờ - Phần 1: Sờ chè
22	TCVN 11766:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Mắc ca
23	TCVN 11767:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Mây nếp
24	TCVN 11768:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Thảo quả
25	TCVN 11769:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Hòe
26	TCVN 11770:2017	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống Sa nhân tím
27	TCVN 11871-1:2017	Giống cây Lâm nghiệp - Cây giống tràm - Phần 1: Nhân giống bằng hạt
28	TCVN 11872-1:2017	Giống cây Lâm nghiệp - Cây giống thông - Phần 1: Thông đuôi ngựa và Thông caribê
29	TCVN 11872-3:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài Thông - Phần 3: Thông nhựa.
30	TCVN 11872-4:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài Thông - Phần 4: Thông ba lá.
31	TCVN 11570-3:2017	Giống cây Lâm nghiệp - Cây giống keo - Phần 3: Keo lá liềm và Keo lá tràm
32	TCVN 12714-1:2019	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 1: Xoan ta
33	TCVN 12714-2:2019	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 2: Mỡ

<b>TT</b>	<b>Loại/số hiệu TCVN</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>
34	TCVN 12714-3:2019	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 3: Vôi thuốc.
35	TCVN 12714-4:2019	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 4: Sao đen.
36	TCVN 12714-5:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 5: Trám trắng.
37	TCVN 12714-6:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 6: Giổi xanh.
38	TCVN 12714-7:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 7: Dầu rái.
39	TCVN 12714-8:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 8: Lát hoa.
40	TCVN 12714-9:2020	Giống cây lâm nghiệp - Cây giống các loài cây bản địa - Phần 9: Sồi phẳng.
<b>IV</b>	<b>Tiêu chuẩn về để xác định thành rừng sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản</b>	
1	TCVN 12509-1:2018	Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng nhanh
2	TC VN 12509-2:2018	Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng chậm
3	TCVN 12509-3:2018	Rừng trồng thuộc nhóm loài cây ngập mặn
4	TCVN 12510-1:2018	Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn gió, chắn cát bay
5	TCVN 12510-2:2018	Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn sóng, lấn biển
6	TCVN 12511:2018	Xác định rừng tự nhiên đối với công trình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản